TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2020/DS-ST
Ngày: 08-9-2020
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2. Ông Nguyễn Thịnh Hùng;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 về Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXX- ST ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Như A, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 7, ấp B, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm D, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 192/4B, khu phố E, phường F, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2018;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Bùi Duy G, sinh năm 1994, nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Anh H, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Đỗ Ngọc N, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 341, đường Q, phường 14, quận W, Thành phố R.

- *Người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Ngọc N:* Ông Phạm D, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 192/4B, khu phố E, phường F, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019;

2/ Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ 5, ấp B, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

- *Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn T:* Chị Y, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ 5, ấp B, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2019.

3/ Bà Nguyễn U, sinh năm 1955 và ông Nguyễn I, sinh năm 1955, cùng nơi cư trú: Số 163/25/8 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, Thành phố R;

4/ Ông P, sinh năm 1974 và bà X, sinh năm 1974, cùng nơi cư trú: Tổ 2, ấp Bàu Bền, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Anh Tình, chị A, chị N, anh G, anh H, chị Y, ông I, bà U, ông P, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/03/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Phạm D trình bày:

Ông Đỗ Văn Mừng và bà Bùi Thị Quy là vợ chồng, chung sống có 03 người con là Đỗ Ngọc N, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 341, đường Q, phường 14, quận W, Thành Phố R; Đỗ Như A, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số 352, tổ 7, ấp B, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và Đỗ Bùi Duy G, sinh năm 1994, nơi cư trú: Số 352, tổ 7, ấp B, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vào ngày 14/4/2004 bà Quy chết nhưng không có lập di chúc; ngày 03/01/2014 ông Mừng chết và có lập di chúc. Vào thời điểm ông Mừng chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng gồm có: Chị Đỗ Ngọc N, chị Đỗ Như A và anh Đỗ Bùi Duy G.

Di sản bà Quy, ông Mừng để lại bao gồm:

1/ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 163, diện tích 17.220 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 769021 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 09/11/2009.

2/ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 86, tờ bản đồ số 148, diện tích 7.244 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 087478 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 06/01/2005.

3/ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 148, diện tích 8.681 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 087480 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 06/01/2005.

4/ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 148, diện tích 12.756 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 087477 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 06/01/2005.

5/ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 148, diện tích 11.714 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 087479 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 06/01/2005.

6/ Một phần Quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A, với diện tích 27.353 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003.

7/ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên thửa 280, tờ bản đồ số 131, diện tích 86 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 934080 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 09/7/2007.

8/ Một phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313312 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/7/2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thu hồi và đang chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại 7.062 m^2.

9/ Quyền sử dụng đất và nhà cất trên đất số 73/32/24 Đô Đốc Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố R theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 457/2004 Do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 08/3/2004.

Vào ngày 20/12/2013, ông Đỗ Văn Mừng có lập bản di chúc với nội dung định đoạt quyền tài sản đối với các tài sản của ông Mừng, bà Quy tạo lập trong thời gian chung sống vợ chồng. Sau khi ông Mừng chết, chị N, chị A, anh G đã căn cứ nội dung bản di chúc tiến hành lập văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với các di sản do ông Mừng để lại.

Theo nội dung bản di chúc, chị Đỗ Như A được quyền hưởng thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A, với diện tích 27.353 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003 cho ông Đỗ Văn Mừng. Tuy nhiên do có sự tranh chấp với anh Đỗ Bùi Duy G nên chị A không được tiến hành khai nhận di sản thừa kế đối với phần đất trên.

Nay chị A khởi kiện tranh chấp thừa kế với anh Đỗ Bùi Duy G liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A (nay

thuộc thửa 18, tờ bản đồ 17), với diện tích 27.353 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003 cho ông Đỗ Văn Mừng, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, diện tích qua đo đạc thực tế sử dụng là 27.870.5 m^2; trên đất có trồng 1.200 cây cao su từ năm 2007-2008, 01 căn nhà tạm và 01 giếng khoang, 01 chân điện. Chị A yêu cầu được nhận phần di sản do ông Mừng để lại theo di chúc và được nhận phần di sản của bà Quy để lại theo quy định của pháp luật, đồng thời có nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn – anh H trình bày:

Anh G thống nhất với trình bày của chị A về việc khi cha mẹ ruột của anh là ông Đỗ Văn Mừng và bà Bùi Thị Quy chết thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng, bà Quy bao gồm: Chị Đỗ Ngọc N, chị Đỗ Như A và anh Đỗ Bùi Duy G. Anh cũng thống nhất di sản của bà Quy, ông Mừng để lại như các tài sản chị A trình bày và được thể hiện trong bản di chúc ông Mừng lập ngày 20/12/2013.

Khi bà Quy chết thì không để lại di chúc, khi ông Mừng chết có để lại di chúc thể hiện với nội dung định đoạt quyền tài sản đối với các di sản của ông Mừng, bà Quy. Sau khi ông Mừng chết thì chị N, chị A, anh G đã căn cứ nội dung bản di chúc tiến hành lập văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với các di sản do ông Mừng để lại. Anh đã nhận và quản lý các di sản anh được hưởng theo di chúc của ông Mừng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Như A liên quan đến di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A (nay thuộc thửa 18, tờ bản đồ 17), với diện tích 27.353 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003 cho ông Đỗ Văn Mừng, diện tích qua đo đạc thực tế sử dụng là 27.870.5 m^2, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì anh có yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế theo pháp luật trong phần đất trên do phần đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu cấp cho "Hộ ông Đỗ Văn Mừng"; tài sản tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà Quy, ông Mừng; khi bà Quy chết không để lại di chúc, ông Mừng chết để lại di chúc nhưng ông Mừng định đoạt luôn phần di sản của bà Quy để lại. Anh có nguyện vọng nhận phần di sản thừa kế do ông Mừng, bà Quy để lại bằng giá trị.

Đối với các di sản khác trong di chúc do ông Mừng lập thì anh không có ý kiến và không tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Đỗ Ngọc N) là ông Phạm D trình bày:

Chị Đỗ Ngọc N thống nhất với trình bày của chị Đỗ Như A, anh Đỗ Bùi Duy G liên quan đến di sản của cha mẹ ruột chị là ông Đỗ Văn Mừng và bà Bùi Thị Quy để lại sau khi chết. Căn cứ nội dung bản di chúc do ông Mừng lập thì chị đã nhận các di sản do ông Mừng để lại cho chị. Chị thống nhất với nội dung bản di chúc do của ông Mừng và không có tranh chấp.

Đối với phần đất và tài sản trên phần đất chị A khởi kiện tranh chấp với anh G thì chị đồng ý nhận phần di sản thừa kế của bà Quy để lại theo quy định pháp luật và chị đồng ý nhường lại phần di sản thừa kế được nhận cho chị Đỗ Như A. Ý kiến này do chị hoàn toàn tự nguyện.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (ông Đỗ Văn T) là chị Y trình bày:

Ông Đỗ Văn T (tự Bảy) là em trai ruột của ông Đỗ Văn Mừng. Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2013, ông T có phụ giúp ông Mừng trong việc quản lý, chăm sóc các phần đất trồng cao su của ông Mừng tại xã C. Do có công sức trong việc phụ giúp ông Mừng nên vào ngày 20/12/2013, khi lập di chúc định đoạt tài sản thì ông Mừng có cho ông T phần đất có diện tích 7.062 m^2, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313312 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/7/2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thu hồi và vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại, qua đo đạc thì phần đất thực tế sử dụng có diện tích 6.992,0 m^2, trên đất có trồng cây cao su từ năm 2007-2008. Tuy nhiên sau khi ông Mừng chết cho đến nay chị Đỗ Như A vẫn quản lý sử dụng đất và không giao tài sản trên cho ông T theo nội dung di chúc của ông Mừng. Nay ông T khởi kiện tranh chấp về thừa kế di sản đối với chị Đỗ Ngọc N, chị Đỗ Như A, anh Đỗ Bùi Duy G là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng, bà Quy liên quan đến phần đất có diện tích qua đo đạc là 6.992,0 m^2, trên đất có trồng cây cao su từ năm 2007-2008, đất thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện là di chúc do ông Mừng lập ngày 20/12/2013 và ông T có nguyện vọng nhận phần di sản thừa kế của ông Mừng để lại bằng giá trị. Ngoài ra ông T không tranh chấp hay có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Như A, và người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Ngọc N có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn T:

Chị và chị Đỗ Ngọc N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Đỗ Văn T về tranh chấp thừa kế di sản liên quan đến phần đất có diện tích qua đo đạc là 6.992,0 m^2, trên đất có trồng cây cao su từ năm 2007-2008, đất thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vì tài sản này thuộc quyền sở hữu chung của bà Quy, ông Mừng; bà Quy chết không lập di chúc nên khi ông Mừng chết thì chị cùng chị N, anh G có quyền quyết định đối với di sản của bà Quy để lại trong phần đất ông T khởi kiện tranh chấp thừa kế di sản. Việc ông Mừng toàn quyền quyết định, định đoạt tài sản này cho ông T là không đúng pháp luật.

Chị và chị Đỗ Ngọc N không có yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với phần đất ông Mừng để lại cho ông T khi yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận. Nếu giữa chị, chị N, anh G có tranh chấp di sản thừa kế đối với phần đất này thì một trong các bên sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khi có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Bùi Duy G có ý kiến đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn T:

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Đỗ Văn T đối với anh, chị Đỗ Ngọc N, chị Đỗ Như A liên quan đến yêu cầu chia tài sản thừa kế do ông Mừng để lại là phần đất có diện tích qua đo đạc là 6.992,0 m^2, trên đất có trồng cây cao su từ năm 2007-2008, đất thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì anh có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu của ông T theo quy định của pháp luật.

Nếu yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận toàn bộ hoặc được chấp nhận một phần và ông T có yêu cầu nhận di sản thừa kế của ông Mừng để lại bằng giá trị tương đương với phần di sản thừa kế ông T được nhận thì anh đồng ý cùng chị N, chị A trả cho ông T giá trị tương đương với phần di sản thừa kế ông T được nhận. Đồng thời anh đồng ý giao phần đất trên cho chị A quản lý sử dụng; anh và chị A, chị N sẽ tự thỏa thuận liên quan đến tài sản trên, nếu không có thỏa thuận được một trong các bên sẽ khởi kiện tại Tòa án khi có yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông P và bà X trình bày:

Vợ chồng ông Bửu, bà Tuyết xác định không có tranh chấp đối với phần đất và tài sản có trên đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A (nay thuộc thửa 18, tờ bản đồ 17), với diện tích qua đo đạc thực tế sử dụng là 27.870.5 m^2 do chị A khởi kiện tranh chấp thừa kế di sản với anh Đỗ Bùi Duy G. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vợ chồng ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn I và bà Nguyễn U trình bày:

Vợ chồng ông Thân, bà Nguyên xác định không có tranh chấp đối với phần đất và tài sản có trên đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A (nay thuộc thửa 18, tờ bản đồ 17), với diện tích qua đo đạc thực tế sử dụng là 27.870.5 m^2 do chị A khởi kiện tranh chấp thừa kế di sản với anh Đỗ Bùi Duy G. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vợ chồng ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Do anh Phạm D, chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N, anh Đỗ Bùi Duy G, anh H, chị Y, ông P, bà X, ông Nguyễn I và bà Nguyễn U là nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tình, chị A, anh Hiệp, anh G, chị N, chị Hương, ông Thân, bà Nguyên, ông Bửu, bà Tuyết.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 611, 612, 624, 630, 632, 634, 643, 649, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Như A về tranh chấp thừa kế di sản đối với anh Đỗ Bùi Duy G liên quan đến đất và tài sản có trên phần diện tích đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A (nay thuộc thửa 18, tờ bản đồ 17), với diện tích qua đo đạc thực tế sử dụng là 27.870.5 m^2.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập về tranh chấp thừa kế di sản của ông Đỗ Văn T đối với chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N và anh Đỗ Bùi Duy G liên quan đến phần đất có diện tích 6.992,0 m^2, trên đất có trồng cây cao su từ năm 2007-2008, đất thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do anh Phạm D, chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N, anh Đỗ Bùi Duy G, anh H, chị Y, ông P, bà X, ông Nguyễn I và bà Nguyễn U là nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D, chị A, anh H, anh G, chị N, chị Y, ông I, bà U, ông P, bà X.

[2] Về xác định diện thừa kế: Ông Đỗ Văn Mừng và bà Bùi Thị Quy tự nguyện chung sống vợ chồng từ trước năm 1985 và có 03 người con chung gồm: chị Đỗ Ngọc N; chị Đỗ Như A và anh Đỗ Bùi Duy G. Bà Bùi Thị Quy chết ngày 14/4/2004 không để lại di chúc nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Quy tại thời điểm bà Quy chết gồm: Ông Đỗ Văn Mừng, chị Đỗ Ngọc N, chị Đỗ Như A và anh Đỗ Bùi Duy G. Ông Đỗ Văn Mừng chết ngày 03/01/2014 nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng tại thời điểm ông Mừng chết gồm chị Đỗ Ngọc N, chị Đỗ Như A và anh Đỗ Bùi Duy G.

[3] Về xác định di sản thừa kế: Qua trình bày của hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng, bà Quy và các chứng cứ thu thập được thấy rằng di sản thừa kế của bà Quy, ông Mừng để lại được thể hiện trong bản di chúc do ông Mừng lập ngày 20/12/2013. Chị N, chị A, anh G đã có thỏa thuận phân chia di sản ông Mừng để lại theo nội dung bản di chúc, riêng các tài sản gồm: Phần đất và tài sản có trên phần đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A với diện tích 27.353 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003 cho ông Đỗ Văn Mừng, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và phần đất có diện tích 7.062 m^2, thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313312 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/7/2007 có tranh chấp.

Tuy nhiên căn cứ hiện trạng sử dụng đất của các đương sự, sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH MTV Đo đạc bản đồ Bình An thực hiện, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Châu thể hiện:

- Phần đất và các tài sản có trên đất chị Đỗ Như A tranh chấp với anh Đỗ Bùi Duy G qua đo đạc thực tế có diện tích 27.870,5 m^2, thuộc thửa 47, tờ bản đồ 41; thửa 51, tờ bản đồ số 41A và thửa 52, tờ bản đồ số 42 nay thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vị trí phần đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ 42A ông Đỗ Văn Mừng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng vị trí đối với phần đất ông Mừng sử dụng; phần đất các đương sự đang tranh chấp do ông P, bà X, nơi cư trú ấp Bàu Bền, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và ông Nguyễn I, bà Nguyễn U, nơi cư trú: Phường 13, quận 10, Thành phố R đăng ký sử dụng. Tuy nhiên qua làm việc với ông Bửu, bà Tuyết, ông Thân, bà Nguyên đều xác định phần đất chị A, anh G đang tranh chấp không liên quan đến các phần đất ông Bửu, bà Tuyết, ông Thân, bà Nguyên đang quản lý sử dụng.

- Phần đất và tài sản có trên đất do ông Đỗ Văn T tranh chấp với chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N, anh Đỗ Bùi Duy G thuộc một phần diện tích đất ông Đỗ Văn Mừng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313312 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/7/2007. Do vào ngày 29/3/2011 Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu đã ban hành quyết định số 902/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích 52.000 m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313312 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/7/2007 cho ông Mừng. Phần diện tích còn lại 7.062 m^2 do ông Mừng quản lý sử dụng; qua đo đạc thực tế phần đất sau khi bị thu hồi có diện tích 6.992 m^2 thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tại công văn số 1847/UBND ngày 18/7/2019 và Công văn số 827/UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xác định các phần đất tranh chấp thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm; việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất tranh chấp sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật sau khi có Bản án, quyết định của Tòa án nhâ dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Do đó xác định tài sản chị A tranh chấp thừa kế di sản với anh G là đất thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với diện tích 27.870,5 m^2, trên đất có trồng cây cao su từ 08 đến 15 năm tuổi, 01 căn nhà tạm và 01 giếng khoan và 01 chân điện; đồng thời xác định tài sản ông T tranh chấp với chị A, chị N, anh G thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với diện tích thực tế sử dụng la2.992 m^2. Hiện tại phần đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mừng và do chị A quản lý sử dụng, trên đất có trồng cây cao su từ 08 đến 15 năm tuổi.

Đối với các di sản khác của bà Quy, ông Mừng để lại do các đương sự không có tranh chấp nên không không đặt ra xem xét.

[4] Về giá trị tài sản tranh chấp: Qua kết quả định giá tài sản tranh chấp ngày 29/4/2020 thể hiện:

- Phần đất 27.870.5 m^2 thuộc thửa 18, tờ 17, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có giá trị 70.000 đồng/m^2, tổng giá trị đất là 70.000 đồng/m^2 x 27.870,5 m^2 = 1.950.935.000 đồng;

* Tài sản có trên đất gồm:

+ 1.200 cây cao su từ 08 đến 15 năm tuổi có giá trị: 1.200 cây x 400.000 đồng/01 cây = 480.000.000 đồng;

+ 01 Căn nhà cấp 4 có đặc điểm tường xây gạch không tô, mái lợp tol, nền tráng xi măng có diện tích 4m x 8m, giá trị còn lại: 32 m^2 x 2.042.000 đồng/m^2 x 30% = 19.603.200 đồng;

+ 01 giếng khoan có giá trị 2.500.000 đồng;

+ 01 chân điện có giá trị 450.000 đồng;

Tổng giá trị đất và tài sản có trên đất là: 1.950.935.000 đồng + 480.000.000 đồng + 19.603.200 đồng + 2.500.000 đồng + 450.000 đồng = 2.453.488.200 đồng, làm tròn số là 2.453.488.000 đồng;

- Phần đất có diện tích 6.992 m^2 thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có giá trị 70.000 đồng/m^2, tổng giá trị đất là 70.000 đồng/m^2 x 6.992 m^2 = 489.440.000 đồng;

* Tài sản có trên đất gồm: 405 cây cao su từ 08 đến 15 năm tuổi có giá trị 405 cây x 400.000 đồng/01 cây = 162.000.000 đồng;

Tổng giá trị đất và tài sản có trên đất là: 489.440.000 đồng + 162.000.000 đồng = 651.440.000 đồng.

[5] Xét di chúc do ông Đỗ Văn Mừng lập ngày 20/12/2013:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận vào ngày 20/12/2013, ông Đỗ Văn Mừng có lập bản di chúc với nội dung định đoạt quyền tài sản đối với các tài sản của ông Mừng, bà Quy tạo lập trong thời gian chung sống vợ chồng; di chúc được lập thành văn bản, có sự chứng kiến của 2 nhân chứng là ông Bùi Mạnh Kha và bà Lại Thị Hồng Tứ; ông Mừng lập di chúc trong tình trạng hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên căn cứ các Điều 630, 634 Bộ luật dân sự xác định di chúc do ông Đỗ Văn Mừng lập ngày 20/12/2013 là hợp pháp.

+ Về hiệu lực của di chúc: Căn cứ nội dung di chúc và các chứng cứ có liên quan thể hiện các tài sản tranh chấp giữa chị A, anh G, chị N và ông T đều có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng ông Mừng, bà Quy tạo lập trong thời gian ông Mừng, bà Quy chung sống vợ chồng; vào ngày 04/4/2004 bà Quy chết không để lại di chúc, đến ngày 03/01/2014 ông Mừng chết để lại di chúc và quyết định giao phần di sản của bà Quy để lại cho những người hưởng thừa kế nên di chúc của ông Mừng để lại chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản thuộc sở hữu của ông Mừng, riêng phần tài sản của bà Quy có trong khối tài sản chung của bà Quy, ông Mừng và phần tài sản của ông Mừng nG không được định đoạt trong di chúc sẽ được chia theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Quy và ông Mừng tại thời điểm bà Quy, ông Mừng chết.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Như A yêu cầu chia thừa kế di sản phần đất và tài sản có trên phần đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A (nay thuộc thửa 18, tờ bản đồ 17), với diện tích qua đo đạc thực tế sử dụng là 27.870.5 m^2 thì thấy rằng:

[6.1] Phần tài sản này là tài sản chung của ông Mừng, bà Quy nG do bà Quy chết trước ông Mừng và không có lập di chúc nên vào thời điểm bà Quy chết hàng thừa kế của bà Quy gồm có ông Mừng, chị N, chị A và anh G, mỗi người sẽ được nhận 01 phần trong ½ diện tích 27.870.5 m^2 và mỗi người được nhận 01 phần trong ½ giá trị các tài sản có trên phần đất 27.870.5 m^2; cụ thể, theo quy định của pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của bà Quy được nhận tài sản như sau:

+ Chị A được nhận di sản thừa kế của bà Quy gồm: ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

+ Chị N được nhận di sản thừa kế của bà Quy gồm: ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

+ Anh G được nhận di sản thừa kế của bà Quy gồm: ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

+ Ông Mừng được nhận di sản thừa kế của bà Quy gồm: ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

[6.2] Ngoài ra kể từ khi bà Quy chết, bên cạnh tài sản ông Mừng được hưởng thừa kế theo pháp luật từ bà Quy thì ông Mừng được toàn quyền quyết định với ½ phần đất có diện tích 27.870.5 m^2 và ½ giá trị các tài sản có trên diện tích đất 27.870.5 m^2, tương đương 251.276.600 đồng. Tính đến thời điểm ông Mừng để lại

di chúc thì ông Mừng được quyền sở hữu 17.419,0625 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2 và được toàn quyền sở hữu 314.095.625 đồng trong tổng số 502.553.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất 27.870.5 m^2.

Tuy nhiên tại thời điểm ông Mừng lập di chúc và khi di chúc có hiệu lực pháp luật thì di chúc chỉ định đoạt tài sản là phần đất 27.870.5 m^2, di chúc không định đoạt các tài sản có trên đất cho nên tính đến thời điểm di chúc có hiệu lực pháp luật thì chị A chỉ được thừa kế tài sản của ông Mừng để lại là phần đất có diện tích 17.419,0625 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2. Riêng 314.095.625 đồng tương đương giá trị tài sản có trên phần đất 27.870.5 m^2 ông Mừng được hưởng sẽ được chia theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là anh G, chị A và chị N, cụ thể mỗi người sẽ được nhận 314.095.625 đồng/3 = 104.698.541 đồng, làm tròn số là 104.698.500 đồng.

Từ những phân tích trên cho thấy trong khối tài sản là đất và các tài sản có trên phần đất 27.870.5 m^2 thì tính đến thời điểm ông Mừng chết thì hàng thừa kế của ông Mừng, bà Quy được nhận các tài sản sau:

Anh G được nhận:

+ Phần di sản thừa kế của bà Quy theo quy định pháp luật gồm:

- ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

+ Phần di sản thừa kế của ông Mừng theo quy định của pháp luật là 1/3 số tiền 314.095.625 đồng = 104.698.541 đồng, làm tròn số là 104.698.500 đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế anh G được nhận là 243.866.875 đồng + 62.819.125 đồng + 104.698.500 đồng = 411.384.500 đồng. Ghi nhận anh G đồng ý giao phần di sản thừa kế được hưởng cho chị A và có nguyện vọng nhận phần di sản thừa kế bằng giá trị.

Chị N được nhận:

+ Phần di sản thừa kế của bà Quy theo quy định pháp luật gồm:

- ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

+ Phần di sản thừa kế sản của ông Mừng theo quy định của pháp luật là 1/3 số tiền 314.095.625 đồng = 104.698.541 đồng, làm tròn số là 104.698.500 đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế chị N được nhận là 243.866.875 đồng + 62.819.125 đồng + 104.698.500 đồng = 411.384.500 đồng. Ghi nhận chị N tự

nguyện nhường thừa kế đối với các di sản thừa kế chị N được hưởng cho chị A quản lý sử dụng.

Chị A được nhận:

+ Phần di sản thừa kế của bà Quy theo quy định pháp luật gồm:

- ¼ phần đất diện tích 13.935,25 m^2 = 3.483,8125 m^2 với giá trị 243.866.875 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản trên đất là ¼ (502.553.000 : 2) = 62.819.125 đồng;

+ Phần di sản thừa kế của ông Mừng theo quy định của pháp luật là 1/3 số tiền 314.095.625 đồng = 104.698.541 đồng, làm tròn số là 104.698.500 đồng.

+ Phần di sản thừa kế của ông Mừng để lại theo di chúc là 17.419,0625 m^2 với giá trị tài sản là 17.419,0625 m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 1.219.334.375 đồng.

Ghi nhận chị A đồng ý nhận phần di sản thừa kế anh G được nhận và đồng ý hoàn trả cho anh G bằng giá trị các di sản thừa kế anh G được hưởng với số tiền tổng cộng là 411.384.500 đồng.

Ghi nhận chị A đồng ý nhận phần di sản thừa kế chị N được chia và nhường lại cho chị A, đồng thời chị A đồng ý chịu thay chị N phần án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác.

Tổng giá trị di sản thừa kế chị A được chia là (243.866.875 đồng + 62.819.125 đồng + 1.219.334.375 đồng + 104.698.500 đồng + 411.384.500 đồng) = 2.042.103.375 đồng, trong đó gồm phần di sản thừa kế chị A được chia theo di chúc và theo pháp luật là 1.630.718.875 đồng; giá trị phần di sản thừa kế chị A được chị N nhường thừa kế là 411.384.500 đồng

Do đó, chị A được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất và tài sản có trên phần đất diện tích 27.870.5 m^2, trong đó bao gồm phần tài sản chị A được chia thừa kế, phần tài sản chị N được chia thừa kế nhường lại cho chị A và phần tài sản anh G được chia thừa kế. Đồng thời chị A được quản lý sử dụng toàn bộ phần di sản thừa kế anh G được nhận có trong phần đất có diện tích 27.870.5 m^2.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa nộp trả số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Đỗ Như A được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục trước bạ, sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Đỗ Văn T (Bảy) khởi kiện tranh chấp thừa kế di sản đối với chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N và anh Đỗ Bùi Duy G liên quan đến phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 6.992 m^2, đất thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thì Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Phần tài sản ông T khởi kiện tranh chấp cũng có nguồn gốc là tài sản chung của ông Mừng, bà Quy nG do bà Quy chết trước ông Mừng và không có lập di chúc nên vào thời điểm bà Quy chết hàng thừa kế của bà Quy gồm có ông Mừng, chị N, chị A và anh G, mỗi người sẽ được nhận 01 phần trong ½ diện tích 6.992 m^2. Cụ thể, theo quy định của pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của bà Quy được nhận các di sản như sau:

+ Chị A được nhận di sản thừa kế gồm: ¼ phần đất diện tích 3.496 m^2 = 874 m^2 với giá trị 874 m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 61.180.000 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản có trên đất là ¼ (162.000.000 đồng : 2) = 20.250.000 đồng;

+ Chị N được nhận di sản thừa kế gồm: ¼ phần đất diện tích 3.496 m^2 = 874 m^2 với giá trị 874 m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 61.180.000 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản có trên đất là ¼ (162.000.000 đồng : 2) = 20.250.000 đồng;

+ Anh G được nhận di sản thừa kế gồm: ¼ phần đất diện tích 3.496 m^2 = 874 m^2 với giá trị 874 m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 61.180.000 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản có trên đất là ¼ (162.000.000 đồng : 2) = 20.250.000 đồng;

+ Ông Mừng được nhận di sản thừa kế gồm: ¼ phần đất diện tích 3.496 m^2 = 874 m^2 với giá trị 874 m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 61.180.000 đồng; ¼ giá trị tài sản trong ½ giá trị tài sản có trên đất là ¼ (162.000.000 đồng : 2) = 20.250.000 đồng;

Ngoài ra kể từ khi bà Quy chết, bên cạnh tài sản ông Mừng được hưởng thừa kế theo pháp luật từ bà Quy thì ông Mừng được toàn quyền quyết định với ½ diện tích phần đất 6.992 m^2 và ½ giá trị các tài sản có trên diện tích đất 6.992 m^2, tương đương 81.000.000 đồng. Tính đến thời điểm ông Mừng để lại di chúc thì ông Mừng được quyền sở hữu 4.370 m^2 trong tổng diện tích 6.992 m^2 và được toàn quyền sở hữu 101.250.000 đồng trong tổng số 162.000.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất 6.992 m^2.

[7.2] Tuy nhiên tại thời điểm ông Mừng lập di chúc và khi di chúc có hiệu lực pháp luật thì di chúc chỉ định đoạt tài sản là phần đất 7.062 m^2 (qua thực tế đo đạc là 6.992 m^2), di chúc không định đoạt các tài sản có trên đất cho nên tính đến thời điểm di chúc có hiệu lực pháp luật thì ông T chỉ được thừa kế tài sản của ông Mừng để lại là phần đất có diện tích 4.370 m^2 trong tổng diện tích 6.992 m^2. Riêng 101.250.000 đồng trong tổng số 162.000.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất 6.992 m^2 ông Mừng được hưởng và phần diện tích 2.622 m^2 trong tổng diện

tích 6.992 m^2 vẫn chưa được định đoạt trong di chúc nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp thừa kế của ông Đỗ Văn T đối với chị A, anh G, chị N và ông Đỗ Văn T được chia và nhận di sản là phần đất có diện tích 4.370 m^2 trong tổng diện tích 6.992 m^2 thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[7.3] Xét nguyện vọng của ông T muốn được nhận tài sản thừa kế bằng giá trị thì thấy rằng: Phần đất ông T tranh chấp hiện do chị A quản lý sử dụng, tài sản có trên đất là loại cây lâu năm (cây cao su), phần diện tích ông T khởi kiện cũng giáp ranh với phần đất chị A đang quản lý; trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật; chị A cùng hàng thừa kế thứ nhất của ông Mừng, bà Quy cũng thống nhất hoàn trả cho ông T bằng giá trị tương đương với di sản thừa kế là đất ông T được nhận. Xét thấy ý kiến này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất thực tế nên cần ghi nhận. Chị A, anh G, chị N được tiếp tục quản lý sử dụng phần diện tích 4.370 m^2 trong tổng diện tích 6.992 m^2 chia cho ông T. Chị A, anh G, chị N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền 4.370 m^2 x 70.000 đồng/m^2 = 305.900.000 đồng. Ghi nhận chị N và anh G thống nhất tiếp tục giao cho chị A quản lý phần đất có 6.992 m^2 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa nộp trả số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7.4] Đối với phần tài sản là di sản còn lại liên quan phần đất diện tích 6.992 m^2, thuộc một phần thửa số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Do chị A, anh G, chị N không có tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khi có tranh chấp. Ghi nhận chị A, chị N và anh G thống nhất tiếp tục giao phần tài sản này cho chị Đỗ Như A quản lý.

[8] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003 cho ông Đỗ Văn Mừng liên quan phần đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A với diện tích 27.353 m^2, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Do đã xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã cấp sai vị trí đối với phần đất ông Mừng sử dụng nên kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu thu hồi xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản tranh chấp: Khi giải quyết vụ án chị A đã nộp chi phí đo đạc đất tranh chấp là 7.000.000 đồng; tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản là

4.000.000 đồng; ông T đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản. Tổng cộng chi phí xem xét tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản là 13.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị A, anh G, chị N, ông T phải chịu 13.000.000 đồng/4 = 3.250.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản. Ghi nhận chị A tự nguyện chịu thay chị N và anh G mỗi người 3.250.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản.

Ông Đỗ Văn T phải chịu 3.250.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản; ông T đã nộp 2.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục nộp 1.250.000 đồng nG do chị A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản nên ông T còn phải trả cho chị A 1.250.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 624, 630, 632, 634, 643, 649, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và các tài sản có trên đất của chị Đỗ Như A đối với anh Đỗ Bùi Duy G:

1.1 Chị Đỗ Ngọc N được hưởng di sản thừa kế theo quy định pháp luật gồm:

+ Phần đất 3.483,8125 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Số tiền 167.517.625 đồng trong 502.553.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tổng giá trị di sản thừa kế theo quy định pháp luật và theo di chúc chị N được nhận là 411.384.500 đồng; Ghi nhận chị Đỗ Ngọc N nhường các di sản thừa kế theo quy định pháp luật chị N được hưởng trên phần diện tích 27.870.5 m^2, thuộc

một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cho chị Đỗ Như A;

1.2 Anh Đỗ Bùi Duy G được hưởng di sản thừa kế theo quy định pháp luật gồm:

+ Phần đất 3.483,8125 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Số tiền 167.517.625 đồng trong 502.553.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tổng giá trị di sản thừa kế theo quy định pháp luật và theo di chúc anh G được nhận là 411.384.500 đồng; Ghi nhận anh Đỗ Bùi Duy G đồng ý giao các di sản thừa kế theo quy định pháp luật anh G được hưởng trên phần diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cho chị Đỗ Như A và yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng giá trị;

1.3 Chị Đỗ Như A được hưởng di sản thừa kế theo di chúc và theo quy định pháp luật gồm:

+ Phần đất 20.902,875 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Số tiền 167.517.625 đồng trong 502.553.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất diện tích 27.870.5 m^2 thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Các di sản thừa kế chị Đỗ Ngọc N được hưởng và nhường lại cho chị A gồm: Diện tích 3.483,8125 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2,thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và số tiền 167.517.625 đồng trong 502.553.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất diện tích 27.870.5 m^2.

+ Các di sản thừa kế anh Đỗ Bùi Duy G được hưởng và có thỏa thuận giao cho chị A quản lý sử dụng gồm: Diện tích 3.483,8125 m^2 trong tổng diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và số tiền 167.517.625 đồng trong 502.553.000 đồng giá trị các tài sản có trên phần đất diện tích 27.870.5 m^2.

Tổng cộng chị Đỗ Như A được quản lý sử dụng diện tích 27.870.5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu,

tỉnh Tây Ninh và toàn bộ các tài sản có trên đất gồm: 1.200 cây cao su từ 8 đến 15 năm tuổi; 01 Căn nhà cấp 4 có đặc điểm tường xây gạch không tô, mái lợp tol, nền tráng xi măng có diện tích 4m x 8m; 01 giếng khoan; 01 chân điện có giá trị 450.000 đồng;

Tổng giá trị di sản thừa kế theo quy định pháp luật và theo di chúc chị A được nhận là 1.630.718.875 đồng + 411.384.500 đồng = 2.042.103.375 đồng, làm tròn số là 2.042.103.000 đồng

Chị Đỗ Như A được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục trước bạ, sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích 27.870.5 m^2 thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

1.4 Chị Đỗ Như A có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đỗ Bùi Duy G số tiền 411.384.500 đồng, tương đương giá trị di sản thừa kế anh G được chia theo quy định pháp luật liên quan phần đất và tài sản có trên phần đất diện tích thực tế 27.870,5 m^2, thuộc một phần thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa nộp trả số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.5 Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu xử lý theo quy định của pháp luật đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 313087 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 25/6/2003 cho ông Đỗ Văn Mừng liên quan phần đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 42A với diện tích 27.353 m^2, đất tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần khởi kiện tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và các tài sản có trên đất của ông Đỗ Văn T đối với chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N và anh Đỗ Bùi Duy G:

Ông Đỗ Văn T được hưởng di sản thừa kế theo di chúc gồm: phần diện tích đất 4.370 m^2 trong tổng diện tích 6.992 m^2 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, phần diện tích 4.370 m^2 có giá trị 305.900.000 đồng. Ghi nhận chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N, anh Đỗ Bùi Duy G đồng ý trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 305.900.000 đồng, tương đương giá trị di sản thừa kế ông T được hưởng theo di chúc của ông Mừng.

Kể từ ngày ông Đỗ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N và anh Đỗ Bùi Duy G chưa thi hành xong đối với số tiền trên thì hàng

tháng chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N và anh Đỗ Bùi Duy G còn phải trả thêm cho ông Đỗ Văn T khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N và anh Đỗ Bùi Duy G thống nhất không tranh chấp thừa kế di sản là quyền sử dụng đất và các tài sản có trên phần đất có diện tích 6.992 m^2 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và chị N, anh G thống nhất giao đất và tài sản có trên phần đất có diện tích qua thực tế đo đạc là 6.992 m^2 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cho chị Đỗ Như A quản lý.

3. Về chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N, anh Đỗ Bùi Duy G mỗi người phải chịu 3.250.000 đồng chị phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận chị A tự nguyện chịu cho anh G và chị N chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản nên chị A phải chịu 9.750.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

Ông Đỗ Văn T phải chịu 3.250.000 đồng chị phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản, ông T đã nộp 2.000.000 đồng nên phải tiếp tục nộp 1.250.000 đồng. Do chị Đỗ Như A đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản nên ông Đỗ Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đỗ Như A 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

2/ Về án phí:

Chị Đỗ Như A phải chịu 60.921.566 đồng án phí dân sự sơ thẩm, làm tròn số là 60.921.500 (sáu mươi triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đỗ Ngọc N phải chịu 20.455.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm, làm tròn số là 20.455.000 (hai mươi triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Bùi Duy G phải chịu 20.455.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm, làm tròn số là 20.455.000 (hai mươi triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận chị Đỗ Như A tự nguyện chịu thay chị Đỗ Ngọc N 20.455.380 đồng; chị Đỗ Như A tự nguyện chịu thay anh Đỗ Bùi Duy G 20.455.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng chị Đỗ Như A phải chịu 101.831.500 (một trăm lẻ một triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm) đồng nG được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu

số 0025250 ngày 09 tháng 3 năm 2018 và 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000797 ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Đỗ Như A còn phải nộp 81.831.500 (tám mươi mốt triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Văn T phải chịu 15.295.000 (mười lăm triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nG được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0015699 ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông Đỗ Văn T còn phải nộp 10.295.000 (mười triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4/ Báo cho chị Đỗ Như A, chị Đỗ Ngọc N, anh Đỗ Bùi Duy G, ông Đỗ Văn T, ông Nguyễn I, bà Nguyễn U, ông P, bà X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phú Sang